

Số: 45/KH-THVN

Quận Lê Chân, ngày 30 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thu, chi hỗ trợ giáo dục theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng, năm học 2024 – 2025

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc quy định các danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định các danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 của Liên sở Giáo dục và Đào tạo - Sở Tài chính về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ Công văn số 2533/SGDĐT-KHTC ngày 22/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 3456/UBND-GDĐT ngày 11/9/2024 của Ủy ban nhân dân quận Lê Chân về việc thực hiện các khoản thu, chi trong các cơ sở giáo dục thuộc quận năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 1894/BHXH-QL TST ngày 29/7/2024 của Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng về việc triển khai công tác thu BHYT học sinh sinh viên năm học 2024-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 27/KH-LN ngày 28/9/2023 của Quận đoàn và Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Lê Chân về việc triển khai phong trào “Kế hoạch nhỏ” giai đoạn 2023 – 2027;

Căn cứ Biên bản họp với Ban đại diện CMHS trường; đại diện CMHS các lớp; biên bản họp PHHS các lớp đầu năm về việc thống nhất kế hoạch hoạt động của nhà trường và các khoản thu theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng năm học 2024 - 2025.



Trường Tiểu học Vĩnh Niệm xây dựng Kế hoạch thu chi các khoản thu hỗ trợ giáo dục theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Thực hiện các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng và các văn bản hướng dẫn khác.

2. Yêu cầu

Việc thu, chi các khoản dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải bảo đảm thu vừa đủ chi; chi đúng mục đích, mang tính chất phục vụ. Không nhất thiết thu đầy đủ các khoản thu tại Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND.

Hạch toán các khoản thu, chi và thực hiện công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các quy định pháp luật hiện hành. Bảo đảm nguyên tắc thu, chi không được điều chuyển từ khoản thu này sang khoản thu khác. Cuối năm học chỉ không hết phải trả lại cho cha mẹ, phụ huynh học sinh hoặc chuyển sang năm học sau nếu cha mẹ học sinh đồng ý.

Khi thực hiện các khoản thu đối với những nội dung đã được ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ hoặc đã được bố trí từ nguồn kinh phí khác, mức thu phải được giảm trừ sau khi tính toán số kinh phí đã được bố trí trong dự toán của đơn vị.

II. KẾ HOẠCH CỤ THỂ

1. Các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo

1.1. Tổ chức bán trú (ăn bán trú, mua sắm thiết bị phục vụ bán trú).

- Dự kiến thu:

STT	Khoản thu bán trú	Mức thu/ngày (tháng,năm)/HS	Số HS có nhu cầu
1	Phục vụ ăn bán trú (thu theo tháng)	30.000đ/ngày	1000
2	Phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh (thu theo năm học)		
2.1	Đối với học sinh mới tuyển, trang bị lần đầu.	360.000đ/năm	240
2.2	Các năm học tiếp theo	200.000đ/năm	760

- Dự kiến chi:

TT	Nội dung chi	Tỉ lệ
1	Chi phục vụ ăn bán trú	
1.1	Chi (lương thực, thực phẩm, nhiên liệu...)	100%
1.2	Chi khác...	0

TRU
IỄU
TỈNH

2	Chi phục vụ hoạt động bán trú cho học sinh: mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú	
2.1	Chi mua sắm mới (bổ sung, sửa chữa đồ dùng, vật dụng phục vụ bán trú: giường, chiếu, đồ dùng vệ sinh...)	100%
2.2	Chi khác:	0
3	Chi nộp thuế	0

(Chi theo thực tế số học sinh học hàng tháng và số tháng ăn thực tế)

1.2. Hỗ trợ phục vụ hoạt động chăm sóc bán trú

- Dự kiến thu:

STT	Khoản thu chăm sóc bán trú	Mức thu (tính theo giờ hoặc ngày, tháng...)	Số HS có nhu cầu	Số tiền dự kiến thu/ tháng
1	Hỗ trợ người nấu ăn, chăm ăn, trông trưa, quản lý và vệ sinh bán trú (thu theo tháng)	150.000đ/hs/tháng	1000	150.000.000đ
2	Quản lý trẻ/học sinh ngoài giờ hành chính (đầu giờ học và sau khi kết thúc buổi học) (thu theo tháng)	10.000đ/hs/giờ	1000	180.000.000đ

- Dự kiến chi:

	Nội dung chi	Tỉ lệ
1	Chi hỗ trợ người nấu ăn, chăm ăn, trông trưa, công tác quản lý.	
1.1	Hỗ trợ người nấu ăn	38,2%
1.2	Hỗ trợ người trông trưa (trả tiền công trông trưa, chăm ăn)	45,8%
1.3	Công tác quản lý (HT, PHT, Kế toán...)	10%
1.4	Công tác giám sát, y tế, dọn vệ sinh, an ninh bảo vệ	4%
1.5	Nộp thuế	2%
2	Chi quản lý trẻ/ học sinh ngoài giờ hành chính	
2.2	Công tác quản lý (HT, PHT..)	14%
2.3	Giáo viên	80%
2.4	Chi khác (giám sát, y tế, dọn vệ sinh, an ninh bảo vệ, thư viện, TPT)	4%

3	Nộp thuế	2%
---	----------	----

1.3. Dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục dạy học 2 buổi/ngày

Khối	Mức thu/tháng/HS	Số học sinh	Số tháng dự kiến học
Khối 1	30.000đ	278	9
Khối 2	30.000đ	298	9
Khối 3	30.000đ	270	9
Khối 4	30.000đ	319	9
Khối 5	30.000đ	334	9

- Dự kiến chi (Tính theo định mức 1 tháng):

TT	Nội dung chi	Tỉ lệ
1	Điện	25%
2	Nước	10%
3	Cơ sở vật chất	65%
4	Nộp thuế	

1.4. Mức học phí các môn liên kết: (Thu theo tháng)

Môn liên kết	Mức học phí/tháng/HS	Dự kiến số học sinh có nhu cầu học	Số tháng dự kiến học
1. Giáo dục kỹ năng công dân số; trong đó:	86.000đ	405	8
- Học liệu, thuê thiết bị	36.000đ		
- Học phí	50.000đ		
2. Kỹ năng sống	48.000đ	454	8
3. Câu lạc bộ tự chọn (Cờ vua, Vẽ)	96.000đ	850	8
4. Tiếng Anh có yếu tố nước ngoài	160.000đ	850	8

- Dự kiến chi (tính theo định mức 1 tháng)

STT	Nội dung chi	Tỉ lệ
1	Kỹ năng sống	
1.1	Nộp về công ty liên kết	70%
1.2	Chi tại đơn vị	30%
	- Quản lý: (HT, PHT, Kế toán, thủ quỹ..)	7%
	- Giáo viên quản lý lớp	8%



STT	Nội dung chi	Tỉ lệ
	- CSVC	2%
	- Phúc lợi	12,4%
	- Nộp thuế	0,6%
2	Giáo dục kỹ năng công dân số	
2.1	Học liệu, thuê thiết bị: Nộp về công ty liên kết	100%
2.2	Học phí: Nộp về công ty liên kết	70%
2.3	Chi tại đơn vị	30%
	- Quản lý: (HT, PHT, Kế toán, thủ quỹ, giáo viên chủ nhiệm...)	7%
	- Giáo viên quản lý lớp	8%
	- CSVC	2%
	- Chi khác (phúc lợi)	12,4%
	- Nộp thuế	0,6%
3	Câu lạc bộ tự chọn (Cờ vua, Vẽ)	
3.1	Nộp về công ty liên kết	70%
3.2	Chi tại đơn vị	30%
	- Quản lý: (HT, PHT, Kế toán, thủ quỹ...)	7%
	- Giáo viên quản lý lớp	8%
	- CSVC	2%
	- Chi khác(phúc lợi)	12,4%
	- Nộp thuế	0,6%
4	Tiếng Anh có yếu tố nước ngoài	
4.1	Nộp về công ty liên kết	70%
4.2	Chi tại đơn vị	30%
	- Quản lý: (HT, PHT, Kế toán, thủ quỹ...)	7%
	- Giáo viên quản lý lớp	8%
	- CSVC	2%
	- Chi khác (phúc lợi)	12,4%
	- Nộp thuế	0,6%

(Chi theo thực tế số học sinh học hàng tháng và số tháng học thực tế)



TR. P. H. AI

1.5. Nước uống học sinh

- Dự kiến thu:

Mức thu/kỳ	Số kỳ	Số HS đăng ký
Học kì I: 40.000đ/kỳ/HS	1	1463
Học kì II: 45.000đ/kỳ/HS	1	1463

- Dự kiến chi:

STT	Nội dung chi	Tỉ lệ
1	Chi trả tiền nước theo hợp đồng (hoặc chi phí vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định chất lượng đối với đơn vị có hệ thống lọc nước...)	100%
2	Mua sắm dụng cụ, vật tư, nhiên liệu	0
3	Bồi dưỡng người trực tiếp phục vụ	0

1.6. Xe đạp học sinh

- Mức thu: 30.000đ/tháng/HS (Thu theo tháng)

- Dự kiến chi:

STT	Nội dung chi	Tỉ lệ
1	Chi trả tiền trông coi, quản lý,... xe, khu vực để xe (nhân viên bảo vệ)	75%
2	Chi cơ sở vật chất	15%
3	Nộp thuế	10%

2. Kế hoạch nhỏ

- Dự kiến thu: (35 tuần/năm học). HS tiết kiệm 1.000đ/tuần

- Dự kiến chi:

STT	Nội dung chi	Tỉ lệ
1	Nộp về Thành Đoàn, Quận Đoàn	25%
2	Cấp Liên đội giữ lại để xây dựng quỹ Liên đội: Chi mua sắm trang bị cơ sở vật chất; công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, trang bị tài liệu phục vụ kỹ năng, nghiệp vụ của Đội; các hoạt động phong trào của Đội; tặng học bổng cho thiếu nhi; khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động Đội, đạt giải cao trong kỳ thi do Đoàn TN, ngành GD tổ chức	75%

3. Bảo hiểm Y tế

Căn cứ Công văn số 1894/BHXH-QL TST ngày 29/7/2024 của Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng về việc triển khai công tác thu BHYT học sinh sinh viên năm học 2024-2025.

- Dự kiến mức thu/năm:

Mức thu/học sinh	Dự kiến tỉ lệ HS tham gia
Khối 1: Hạn thẻ 15 tháng mức thu: 1.105.650đ/hs	100%
Khối 1: Hạn thẻ 14 tháng mức thu: 1.031.940đ/hs	100%
Khối 1: Hạn thẻ 13 tháng mức thu: 958.230đ/hs	100%
Khối 1: Hạn thẻ 12 tháng mức thu: 884.520đ/hs	100%
Khối 2 đến khối 5 Hạn thẻ 12 tháng mức thu: 884.520đ/hs	100%

- Dự kiến chi:

TT	Nội dung chi	Tỉ lệ
1	Nộp tiền mua BHYT về cơ quan BHXH.	100%
2	Phản trích lại chi mua thuốc, vật tư thực hiện công tác y tế học đường tại đơn vị	5%
3	Chi khác...	0%

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Hiệu trưởng

- Xây dựng kế hoạch thu chi năm học 2024-2025. Có trách nhiệm tổ chức các cuộc họp với Ban giám hiệu, Hội đồng sư phạm, Ban đại diện CMHS nhà trường, các lớp và GVCN để thống nhất kế hoạch Thu – Chi năm học 2024-2025.
- Quản lý việc thu chi. Chỉ đạo thu chi hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả.
- Xây dựng kế hoạch bổ sung, mua sắm cơ sở vật chất phục vụ dạy học cũng như các hạng mục cần sửa chữa trong năm học.
- Duyệt kế hoạch thu chi do kế toán tham mưu (trên cơ sở kế hoạch năm học của trường; từ đề xuất của các bộ phận trong trường cũng như phân bổ ngân sách của quận; căn cứ trên số học sinh và số CBGVNV của trường...)
- Điều chỉnh kế hoạch theo từng giai đoạn của năm học cho hợp lý.
- Duyệt các chứng từ chi trong năm từ ngân sách của trường.
- Chịu trách nhiệm trước các cấp quản lý về công tác quản lý, điều hành thu chi tài chính trong nhà trường.

2. Giáo viên chủ nhiệm

- Cam kết nhất trí và thực hiện nghiêm túc, đúng nội dung, quy trình đã

thống nhất. Họp CMHS tại lớp thống nhất kế hoạch Thu – Chi năm học 2024-2025.

- Lấy ý kiến của 100% CMHS trong lớp – theo biên bản họp, chịu trách nhiệm về việc triển khai các khoản thu chi theo kế hoạch của Nhà trường.

- Không được phép triển khai thu các khoản ngoài Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết 08/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng.

3. Kế toán:

- Tham mưu giúp hiệu trưởng tổ chức điều hành hoạt động thu chi đúng nguyên tắc và đạt hiệu quả tốt nhất; quản lý hồ sơ, sổ sách thu chi. Đảm bảo nguyên tắc chứng từ hợp lý, rõ ràng, chính xác.

- Thường xuyên tham mưu để chủ tài khoản có sự điều chỉnh kế hoạch thu chi theo tháng, quý, học kỳ.

- Thực hiện nhiệm vụ của kế toán trong nhà trường.

4. Thủ quỹ:

- Quản lý quỹ tiền mặt của nhà trường, kiểm kê đầy đủ vào cuối tháng; thu chi có đầy đủ chữ ký và đúng nguyên tắc đề ra; quản lý chứng từ, sổ sách và quỹ tiền mặt.

- Các khoản thu phải gửi vào tài khoản của nhà trường tại kho bạc hoặc ngân hàng.

- Thực hiện thu chi theo yêu cầu của Hiệu trưởng và kế toán.

- Nộp và rút tiền tại kho bạc Nhà nước theo quy định.

5. Thanh tra nhân dân

- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định là: Giám sát việc thu chi của trường.

6. Trách nhiệm giám sát của các bộ phận đoàn thể khác

- BCH Công đoàn nhà trường theo dõi, giám sát việc thu chi, công khai các khoản thu của trường, có ý kiến đề nghị chủ tài khoản kịp thời nếu thấy có hiện tượng bất thường, không đúng quy định trong kế hoạch thu chi.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện thu, chi các khoản dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND năm học 2024-2025 của trường Tiểu học Vĩnh Niệm. Đề nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện nghiêm túc kế hoạch này.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;

- Lưu: VT.

TM. NHÀ TRƯỜNG

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Thanh Vân

PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM KẾ HOẠCH THU CHI NĂM HỌC 2024-2025
(DỰ TOÁN MUA SẮM CƠ SỞ VẬT CHẤT BÁN TRÚ NĂM HỌC 2024-2025)

STT	HÀNG HÓA	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Ghế inox cao	Cái	352	80.000	28.160.000
2	Nồi inox 80L	Cái	1	1.650.000	1.650.000
3	Nồi cao 50 P50	Cái	2	1.250.000	2.500.000
4	Nồi cao 35 P50	Cái	1	940.000	940.000
5	Gáo nước	Cái	6	110.000	660.000
6	Vợt xúc ngô	Cái	2	200.000	400.000
7	Chậu P60 VN	Cái	6	950.000	5.700.000
8	Rổ P60	Cái	17	380.000	6.460.000
9	Rá P60	Cái	3	390.000	1.170.000
10	Rổ P30	Cái	8	110.000	880.000
11	Xô P37	Cái	5	250.000	1.250.000
12	Xô có nắp	Cái	8	390.000	3.120.000
13	Muôi dài 50	Cái	8	80.000	640.000
14	Nồi P34	Cái	24	390.000	9.360.000
15	Giá 3 tầng 90x86x1300	Cái	2	7.500.000	15.000.000
16	Giá phơi khăn Inox 304	Cái	3	820.000	2.460.000
17	Xe đẩy 1600x1100x840	Cái	1	7.500.000	7.500.000
18	Xe đẩy 3 tầng 950x1050x860	Cái	2	9.000.000	18.000.000
19	Khăn ăn (thêu số)	Cái	1.050	11.000	11.550.000
20	Khăn ăn (trải bàn)	Cái	1.050	8.000	8.400.000
21	Ruột gối	Cái	90	20.000	1.800.000
22	Vỏ gối	Cái	46	35.000	1.610.000
23	Chăn	Cái	60	220.000	13.200.000
24	Gối +vỏ	Cái	410	55.000	22.550.000
25	Rổ CN	Cái	7	150.000	1.050.000
26	Dao Thái	Cái	4	110.000	440.000
27	Kéo	Cái	5	40.000	200.000
28	Nồi inox 80L	Cái	2	1.750.000	3.500.000
29	Nồi inox 16L	Cái	2	520.000	1.040.000
30	Chậu nhựa	Cái	6	260.000	1.560.000
31	Xèng cán dài	Cái	10	37.000	370.000

STT	HÀNG HÓA	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
32	Vợt inox P30	Cái	3	140.000	420.000
33	Thớt gỗ P35	Cái	5	250.000	1.250.000
34	Thớt CN	Cái	4	150.000	600.000
35	Chảo nhôm P60	Cái	7	370.000	2.590.000
36	Chảo bằng	Cái	2	410.000	820.000
37	Ủng nhựa	Cái	7	70.000	490.000
38	Gạt nước	Cái	5	140.000	700.000
39	Cây lau CN	Cái	3	190.000	570.000
40	Khay ăn inox	Cái	350	71.000	24.850.000
41	Muôi múc canh	Cái	310	22.000	6.820.000
42	Thìa ăn inox	Cái	580	5.000	2.900.000
43	Bát canh	Cái	208	25.000	5.200.000
44	Xô inox có nắp	Cái	4	370.000	1.480.000
45	Rổ inox P32	Cái	4	130.000	520.000
46	Muôi to cán gỗ	Cái	2	75.000	150.000
47	Nồi inox P26	Cái	12	280.000	3.360.000
48	Kẹp hoa quả	Cái	10	20.000	200.000
49	Cây lau	Cái	33	150.000	4.950.000
50	Chổi đốt	Cái	28	50.000	1.400.000
51	Xô nhựa	Cái	48	60.000	2.880.000
52	Túi giặt	Cái	56	50.000	2.800.000
53	Tủ cơm ga 70Kg Inox 304	Cái	1	19.800.000	19.800.000
	Cộng				257.870.000

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2024

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Hải Yến



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Thanh Vân